

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUY I NĂM 2015**



NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113,912,781,089	120,742,236,755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32,414,580,938	40,534,586,598
1. Tiền	111		9,020,716,011	3,402,476,044
2. Các khoản tương đương tiền	112		23,393,864,927	37,132,110,554
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38,800,000,000	47,600,000,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	38,800,000,000	47,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,844,683,172	15,641,540,385
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	14,121,519,282	4,475,881,198
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	10,125,162,464	8,283,235,156
3. Các khoản phải thu khác	136	V.5	4,245,766,032	4,530,188,637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,647,764,606)	(1,647,764,606)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	11,214,010,689	13,130,589,636
Hàng tồn kho	141		11,214,010,689	13,130,589,636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,639,506,290	3,835,520,136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	735,396,999	29,379,998
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,385,005,233	3,722,315,138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		256,171,426	
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	262,932,632	83,825,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		233,820,455,260	236,184,769,819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		232,134,311,104	234,670,601,481
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	201,595,541,576	209,984,267,764
Nguyên giá	222		569,945,899,118	569,719,162,202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(368,350,357,542)	(359,734,894,438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	419,581,490	504,103,214
Nguyên giá	228		3,275,946,666	3,215,946,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,856,365,176)	(2,711,843,452)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	30,119,188,038	24,182,230,503
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8,330,000	8,330,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,677,814,156	1,505,838,338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1,366,959,458	1,366,959,458
2. Tài sản dài hạn khác	268		310,854,698	138,878,880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347,733,236,349	356,927,006,574

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		138,615,526,603	153,426,581,408
I. Nợ ngắn hạn	310		104,288,808,911	118,948,243,774
1. Phải trả người bán	311	V.15	29,418,642,068	25,444,285,612
2. Người mua trả tiền trước	312	V.16	5,269,791,967	2,075,082,766
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	8,279,923,808	12,731,549,768
4. Phải trả người lao động	314		3,769,710,453	12,698,705,785
5. Chi phí phải trả	315	V.18	18,817,952,986	25,640,202,261
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	37,950,912,074	37,532,972,027
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.20	781,875,555	2,825,445,555
II. Nợ dài hạn	330		34,326,717,692	34,478,337,634
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	21,907,901,882	21,152,569,841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	12,418,815,810	13,325,767,793
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		209,117,709,746	203,500,425,166
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	209,117,709,746	203,500,425,166
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		46,441,673,683	46,441,673,683
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32,676,036,063	27,058,751,483
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		27,058,751,483	2,785,655,182
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5,617,284,580	24,273,096,301
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347,733,236,349	356,927,006,574

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2015



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2015

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	199,312,761,107	185,527,075,045
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55,947,109	60,189,537
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		199,256,813,998	185,466,885,508
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187,843,471,520	174,099,995,065
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,413,342,478	11,366,890,443
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	541,374,514	435,070,862
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	360,611,407	440,067,064
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		360,611,407	440,067,064
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,994,041,757	2,038,088,971
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,200,703,979	4,671,009,844
10 Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,399,359,849	4,652,795,426
11 Thu nhập khác	31		281,275,432	2,429,667,777
12 Chi phí khác	32		(1,462,169,505)	110,071,792
13 Lãi/(lỗ) khác	40	VI.7	1,743,444,937	2,319,595,985
14 Tổng lãi kế toán trước thuế	50		7,142,804,786	6,972,391,411
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1,525,520,206	1,530,867,979
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5,617,284,580</u>	<u>5,441,523,432</u>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>432</u>	<u>419</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2015

LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I/2015

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lãi trước thuế	01	7,142,804,786	6,972,391,411
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9,169,899,645	10,312,721,330
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(541,374,514)	(435,070,862)
- Chi phí lãi vay	06	360,611,407	440,067,064
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16,131,941,324	17,290,108,943
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11,657,678,310)	(10,924,576,941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1,916,578,947	2,583,014,043
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2,544,687,978)	(11,449,458,443)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(706,017,001)	214,085,575
- Tiền lãi vay đã trả	14	(360,611,407)	(440,067,064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7,329,690,765)	(6,177,473,636)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	747,460,416	(895,298,230)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2,547,025,311)	(1,128,152,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6,349,730,085)	(10,927,817,753)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(10,377,484,908)	12,020,910,257
- Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8,800,000,000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	725,965,066	515,990,416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(851,519,842)	12,536,900,673
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(906,951,983)	(463,866,983)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,803,750)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(918,755,733)	(463,866,983)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8,120,005,660)	1,145,215,937
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40,534,586,598	35,690,048,647
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32,414,580,938	36,835,264,584

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2015



LÊ TRUNG HIỆU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHU QUỲNH
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2015

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho quý I năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 414 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 395 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là năm tài chính thứ 09 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới (nếu có)

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác..... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	21.912.513	31.520.580
Tiền gửi ngân hàng	8.998.803.498	3.370.955.464
Các khoản tương đương tiền (*)	23.393.864.927	37.132.110.554
Cộng	32.414.580.938	40.534.586.598

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4.8%.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.800.000.000	47.600.000.000
Cộng	38.800.000.000	47.600.000.000

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6.2%/năm.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	11.155.716.795	4.475.881.198
Khách hàng khác	2.965.802.487	
Cộng	14.121.519.282	4.475.881.198

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công nợ với bên liên quan	461.652.709	509.716.595
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	461.652.709	509.716.595
Công nợ với nhà cung cấp khác	9.663.509.755	7.773.518.561
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.447.838.066	1.447.838.066
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (CTy TNHH TVTKXD MNam)	289.902.299	289.902.299
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN	348.040.000	348.040.000
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	-	334.262.267
Công ty TNHH XĐBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	1.722.615.283	-
Công ty TNHH Đan Vĩ	1.000.778.585	1.000.778.585
Công ty QL CTGT Sài Gòn	2.660.543.787	2.202.473.127
Công ty TNHH TM XD Việt Long	-	-
Khách hàng khác	891.708.061	848.140.543
Cộng	10.125.162.464	8.283.235.156

5. Các khoản phải thu khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	2.872.765.106
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.252.019.779	1.310.987.218
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	58.865.556	302.321.664
Phải thu khác	62.115.591	44.114.649
Cộng	4.245.766.032	4.530.188.637

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản nợ từ trên 1 năm đến 3 năm	1.647.764.606	1.647.764.606
Cộng	1.647.764.606	1.647.764.606

7. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	11.214.010.689	10.997.996.081
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.132.593.555
Cộng	11.214.010.689	13.130.589.636
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	11.214.010.689	13.130.589.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ dụng cụ	-	77,435,000	40,438,001	36,996,999
Phần mềm diệt virus	29,379,998	-	29,379,998	-
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	1,393,200,000	694,800,000	698,400,000
Cộng	29,379,998	1,470,635,000	764,617,999	735,396,999

9. Tài sản ngắn, dài hạn khác

Tạm ứng		262.932.632	83.825.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược		310.854.698	138.878.880
Cộng		573.787.330	222.703.880

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	2.015.263.000	1.531.852.486	554.226.268.897	11.945.777.819	569.719.162.202
2. Tăng trong kỳ	-	-	289.432.841	-	289.432.841
<i>Mua sắm mới</i>	-	-	-	-	-
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	289.432.841	-	289.432.841
3. Giảm trong kỳ	-	-	62.695.925	-	62.695.925
<i>Giảm nguyên giá theo quyết toán công trình</i>	-	-	62.695.925	-	62.695.925
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	2.015.263.000	1.531.852.486	554.453.005.813	11.945.777.819	569.945.899.118
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số đầu kỳ	1.561.900.325	1.427.193.594	350.898.338.095	5.847.462.424	359.734.894.438
2. Tăng trong kỳ	17.766.891	9.630.927	8.508.936.671	489.043.432	9.025.377.921
3. Giảm trong kỳ	-	-	409.914.817	-	409.914.817
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	409.914.817	-	409.914.817
4. Số cuối kỳ	1.579.667.216	1.436.824.521	358.997.359.949	6.336.505.856	368.350.357.542
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	453.362.675	104.658.892	203.327.930.802	6.098.315.395	209.984.267.764
2. Số cuối kỳ	435.595.784	95.027.965	195.455.645.864	5.609.271.963	201.595.541.576

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Số đầu kỳ	3.215.946.666	3.215.946.666
2. Tăng trong kỳ	60.000.000	60.000.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	3.275.946.666	3.275.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu kỳ	2.711.843.452	2.711.843.452
2. Tăng trong kỳ	144.521.724	144.521.724
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Số cuối kỳ	2.856.365.176	2.856.365.176
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu kỳ	504.103.214	504.103.214
2. Số cuối kỳ	419.581.490	419.581.490

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Sửa chữa di dời nhà làm việc	1.201.479.425	458.931.348				1.660.410.773
Công trình di dời đường ống	5.401.181.112	66.690.122		139.257.718		5.328.613.516
Công trình chống thất thoát nước	151.576.067	338.082.886	289.432.841	20.532.560		179.693.552
Công trình cải tạo ống mục	12.658.407.628	3.009.034.786		15.878.197		15.651.564.217
Công trình đầu tư ống cái	2.421.236.028	1.208.050.120				3.629.286.148
Công trình phát triển mạng lưới	2.348.350.243	1.322.471.724		1.202.134		3.669.619.833
Cộng	24.182.230.503	6.403.260.986	289.432.841	176.870.609	-	30.119.188.039

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.121.625.399	-	-	1.121.625.399
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các kỳ trước	245.334.059	-	-	245.334.059
Cộng	1.366.959.458	-	-	1.366.959.458
			<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>

14. Phải trả người bán

Công nợ với bên liên quan	27.042.529.779	22.130.004.005
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	27.042.529.779	22.130.004.005
Công nợ với nhà cung cấp khác	2.376.112.289	3.314.281.607
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	-	2.202.070.836
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty QL CTGT Sài Gòn	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.124.500.135	860.598.617
Cộng	29.418.642.068	25.444.285.612

15. Người mua trả tiền trước

Công nợ với bên liên quan	49.999.839	49.999.839
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	-	-
Công nợ với khách hàng khác	5.219.792.128	2.025.082.927
Truy thu tiền thất thoát nước	645.704.035	1.079.770.175
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	71.872.270	62.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	3.892.150.213	272.374.872
Cộng	5.269.791.967	2.075.082.766

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.547.999.134	1.525.520.206	7.329.690.765	(256.171.425)
Thuế thu nhập cá nhân	855.838	718.924.998	654.330.621	65.450.215
Các loại thuế khác	7.182.694.796	19.224.663.984	18.192.885.187	8.214.473.593
- Thuế bảo vệ môi trường	7.182.694.796	19.213.214.984	18.181.436.187	8.214.473.593
- Thuế môn bài	-	8.449.000	8.449.000	-
- Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	12.731.549.768	21.469.109.188	26.176.906.573	8.023.752.383

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng

+ Cung cấp nước : 5 %

+ Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các khoản thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	11.743.131.998	13.413.099.885
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117, Trích trước chi phí TLMD	11.432.518.087	8.824.390.662
Thù lao HĐQT	-	108.000.000
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	-	2.902.886.008
Chi phí dự án di dời DD01/13	-	391.825.706
Chi phí mua sỉ nước sạch phải trả Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	(4.357.697.099)	-
Cộng	18.817.952.986	25.640.202.261

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Các khoản phải trả khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	4.047.944	4.047.944
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.010.122.485	1.766.117.380
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	13.229.536.476	13.229.536.477
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	195.010.495	9.271.802
Cổ tức phải trả cho cổ đông	892.339.228	904.142.978
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:	21.602.479.000	21.602.479.000
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	<i>21.602.479.000</i>	<i>21.602.479.000</i>
Các khoản phải trả khác	17.376.446	17.376.446
Cộng	<u>37.950.912.074</u>	<u>37.532.972.027</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.965.176.420	-	34.000.000	1.628.670.000	370.506.420
Quỹ phúc lợi	860.269.135	-	300.000	449.200.000	411.369.135
Cộng	<u>2.825.445.555</u>	<u>0</u>	<u>34.300.000</u>	<u>2.077.870.000</u>	<u>781.875.555</u>

20. Các khoản phải trả phải nộp dài hạn

Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

21. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn - Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.	13.325.767.793
Đã trả nợ vay	<u>(906.951.983)</u>
Cộng	<u>12.418.815.810</u>

Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với mục đích đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 và được đảm bảo bằng tài sản tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết nợ vay như sau:

Hợp đồng vay	Số đầu kỳ	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Nợ vay đến hạn trả	Số cuối kỳ
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24/08/ 2007	10.542.111		6.857.000	3.685.111	-
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	274.403.191		87.499.000	186.904.191	-
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	158.768.927		142.578.000	16.190.927	-
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	193.190.616		46.300.000	146.890.616	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hợp đồng vay	Số đầu kỳ	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Nợ vay đến hạn trả	Số cuối kỳ
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1.600.297.823		158.000.000	632.000.000	810.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	239.049.649		19.606.805	78.427.220	141.015.624
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	69.602.099		3.026.178	12.104.712	54.471.209
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	2.134.438.460		70.987.000	283.948.000	1.779.503.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.357.913.471		145.548.000	582.192.000	3.630.173.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.287.561.446		226.550.000	906.200.000	3.154.811.446
Cộng	13.325.767.793	-	906.951.983	2.848.542.777	9.570.273.033

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

22. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	130.000.000.000	22.715.880.043	10.813.660.474	37.666.737.661	201.196.278.178
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	24.273.096.301	24.273.096.301
Trích lập quỹ ĐTP và DPTC	-	10.096.050.215	2.816.082.951	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Số cuối năm trước/ số đầu kỳ này	130.000.000.000	32.811.930.258	13.629.743.425	27.058.751.483	203.500.425.166
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	5.617.284.580	5.617.284.580
Trích lập quỹ ĐTP và DPTC	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	130.000.000.000	32.811.930.258	13.629.743.425	32.676.036.063	209.117.709.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
Ngân hàng Thương Mại CP Phương Nam	14.200.000.000	14.200.000.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	3.005.000.000
Công ty CP địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á	2.766.520.000	2.766.520.000
Cổ đông khác	40.724.480.000	40.724.480.000
Cộng	<u>130.000.000.000</u>	<u>130.000.000.000</u>

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Doanh thu thuần cung cấp nước	196.731.677.900	183.032.504.599
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.525.136.098	2.434.380.909
Cộng	<u>199.256.813.998</u>	<u>185.466.885.508</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	185.737.892.464	172.516.894.882
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.105.579.056	1.583.100.183
Cộng	<u>187.843.471.520</u>	<u>174.099.995.065</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết giá vốn theo yếu tố:	Quý I/2015	Quý I/2014
<u>Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch</u>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	143.751.622.851	126.554.905.125
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	11.464.103.376	4.930.656.920
Chi phí nhân công	12.492.342.644	12.564.986.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.365.359.715	9.759.217.456
Chi phí thuê tài sản hoạt động	1.214.425.569	-
Chi phí gấn và thay đồng hồ nước	5.589.276.105	5.951.899.540
Chi phí chống thất thoát nước	327.893.579	364.472.651
Chi phí cải tạo ống mục	15.878.197	8.865.873.776
Chi phí sửa bể	125.493.569	269.757.134
Chi phí khác	258.903.305	132.109.049
Tổng chi phí sản xuất	183.605.298.910	169.393.877.785
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	2.132.593.555	3.123.017.097
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ		-
Giá vốn cung cấp nước	185.737.892.464	172.516.894.882
<u>Giá vốn cung cấp dịch vụ</u>		
Chi phí nguyên vật liệu	1.903.267.131	
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường Thuê ngoài	202.311.925	
Tổng chi phí sản xuất	2.105.579.056	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	-	
Giá vốn dịch vụ	2.105.579.056	
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	515.934.554	408.197.951
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.439.960	26.872.911
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	541.374.514	435.070.862
4. Chi phí tài chính		
Lãi vay	360.611.407	440.067.064
Cộng	360.611.407	440.067.064
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	1.680.861.307	1.640.335.561
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.323.000	-
Chi phí khấu hao	99.940.143	86.544.824
Chi phí bằng tiền khác	210.917.307	311.208.586
Cộng	1.994.041.757	2.038.088.971

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Chi phí nhân viên	3.021.642.555	2.896.006.476
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.455.000	95.189.249
Chi phí khấu hao	294.684.970	367.082.875
Thuế, phí và lệ phí	23.321.578	3.000.000
Chi phí dự phòng giảm giá		-
Chi phí bằng tiền khác	830.599.876	1.309.731.244
Cộng	<u>4.200.703.979</u>	<u>4.671.009.844</u>

7. Lãi thuần từ hoạt động khác

Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	21.818.184	3.272.727
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	253.980.533	1.703.243.562
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước		713.933.309
Thu nhập khác	5.476.715	9.218.179
Cộng thu nhập	<u>281.275.432</u>	<u>2.429.667.777</u>
Chi phí hồ sơ mời thầu	325.510.205	13.343.394
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	(2.326.728.549)	10.969.804
Chi phí đầu tư ống cái không hoàn lại		-
Chi phí thanh lý vật tư		-
Chi phí khác	539.048.839	85.758.594
Cộng chi phí	<u>(1.462.169.505)</u>	<u>110.071.792</u>
Lãi thuần từ hoạt động khác	<u>1.743.444.937</u>	<u>2.319.595.985</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.142.804.786	6.972.391.411
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	4.799.039.700	4.244.597.475
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	2.343.765.086	2.727.793.936
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế		-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	48%	
Lợi nhuận tính thuế	7.142.804.786	6.972.391.411
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi (năm nay 20% - năm trước 20%)	2.294.842.369	4.244.597.475
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi (thuế suất 22%)	2.504.197.331	
- Đối với hoạt động kinh doanh	2.343.765.086	2.727.793.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.525.520.206</u>	<u>1.530.867.979</u>

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi.

Năm 2015 là năm Công ty đã hết ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chính của Công ty và là năm thứ chín Công ty được tính theo mức thuế suất ưu đãi 20% trên thu nhập tính thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.617.284.580	5.441.523.432
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.617.284.580	5.441.523.432
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	432	419

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nước sạch	143.751.622.851	126.554.905.125
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.367.370.507	5.412.292.824
Chi phí nhân công	17.194.846.506	17.101.328.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.759.984.828	10.212.845.155
Chi phí bằng tiền khác	8.831.799.010	18.153.307.397
Cộng	191.905.623.702	177.434.678.670

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Số cuối kỳ</u>
Cổ tức chưa thanh toán	892.339.228
Lãi tiền gửi còn dự thu	58.865.556

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Quý I/2015</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	243.456.108
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	11.803.750

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty CP cấp nước Bến Thành
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa
Chi nhánh cấp nước Trung An
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	148.109.319.950	132.882.650.382
Mua vật tư	7.127.124.535	7.520.629.523
Thuê tài sản hoạt động	1.214.425.569	-
Lãi vay phải trả	360.611.407	440.067.064
Phải thu do chi hộ		83.910.000

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
	69.485.716	277.807.183

Tại ngày 31/03/2015, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu các khoản chi hộ	2.895.565.016	2.889.002.136
Phải trả thương mại	(23.842.058.478)	(22.130.004.005)
Phải trả phí thực hiện công trình XD CB, gia công đồng hồ nước	(13.229.536.476)	(13.229.536.477)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	-	-
Phải trả tiền vay	(12.418.815.810)	(13.325.767.793)
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(49.999.839)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	461.652.709	509.716.595

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	<u>Quý I/2015</u>	<u>Quý I/2014</u>
Tiền lương	506.155.043	506.972.356
Các khoản bảo hiểm phải trả	9.865.277	8.425.938
Cộng	516.020.320	515.398.294

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.14 và V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.414.580.938	40.534.586.598
Đầu tư ngắn hạn	38.800.000.000	47.600.000.000
Phải thu khách hàng	12.796.151.855	2.871.832.375
Các khoản phải thu khác	2.609.233.483	2.852.689.591
Ký quỹ ngắn hạn	310.854.698	138.878.880
Đầu tư dài hạn khác	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>86.939.150.974</u>	<u>94.006.317.444</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	12.418.815.810	13.325.767.793
Phải trả người bán	29.418.642.068	25.444.285.612
Chi phí phải trả	18.817.952.986	25.640.202.261
Các khoản phải trả khác	58.767.416.289	57.768.079.144
Cộng	<u>119.422.827.153</u>	<u>122.178.334.810</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	2.848.542.777	7.619.103.741	1.951.169.292	12.418.815.810
Phải trả người bán	29.418.642.068	-	-	29.418.642.068
Chi phí phải trả	18.817.952.986	-	-	18.817.952.986
Các khoản phải trả khác	36.859.514.407	21.907.901.882	-	58.767.416.289
Cộng	87.944.652.238	29.527.005.623	1.951.169.292	119.422.827.153
Số đầu kỳ				
Vay và nợ	3.123.786.161	8.031.251.162	2.170.730.470	13.325.767.793
Phải trả người bán	25.444.285.612	-	-	25.444.285.612
Chi phí phải trả	25.640.202.261	-	-	25.640.202.261
Các khoản phải trả khác	36.615.509.303	21.152.569.841	-	57.768.079.144
Cộng	90.823.783.337	29.183.821.003	2.170.730.470	122.178.334.810

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.414.580.938	-	-	32.414.580.938
Đầu tư ngắn hạn	38.800.000.000	-	-	38.800.000.000
Phải thu khách hàng	12.796.151.855	-	-	12.796.151.855
Các khoản phải thu khác	2.609.233.483	-	-	2.609.233.483
Ký quỹ ngắn hạn	310.854.698	-	-	310.854.698
Đầu tư dài hạn khác	-	8.330.000	-	8.330.000
Cộng	86.930.820.974	8.330.000	-	86.939.150.974
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.586.598	-	-	40.534.586.598
Đầu tư ngắn hạn	47.600.000.000	-	-	47.600.000.000
Phải thu khách hàng	2.871.832.375	-	-	2.871.832.375
Các khoản phải thu khác	2.852.689.591	-	-	2.852.689.591
Ký quỹ ngắn hạn	138.878.880	-	-	138.878.880
Đầu tư dài hạn khác	-	8.330.000	-	8.330.000
Cộng	93.997.987.444	8.330.000	-	94.006.317.444

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2015



LÊ TRỌNG HIẾU

Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu